

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Nam Định, tháng 03 năm 2018

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Văn Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đạt	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Bùi Huy Hồng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Cảnh	Ủy viên
Ông Mai Văn Dân	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2017)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Ngọc Hưng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2017)
Ông Nguyễn Văn Đạt	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2017)
Ông Bùi Huy Hồng	Phó giám đốc
Ông Dương Minh Tuấn	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

  
**Trần Ngọc Hưng**  
Giám đốc

Nam Định, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Số: 44 /2018/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15/03/2018 và trình bày từ trang số 04 đến trang số 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

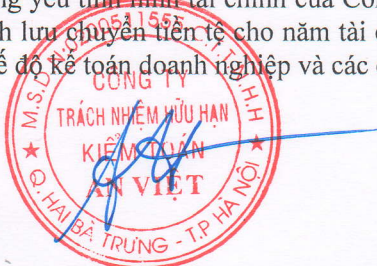
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1687-2018-055-1

**Bùi Quốc Trung**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1937-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>168.877.809.276</b>	<b>195.120.838.251</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.068.690.569</b>	<b>5.003.800.751</b>
1. Tiền	111	5	4.068.690.569	5.003.800.751
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>124.187.677.494</b>	<b>165.014.308.803</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	125.259.648.034	84.136.788.297
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		291.795.500	92.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.642.160	81.822.722.802
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.381.408.200)	(1.037.702.296)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>35.958.487.188</b>	<b>24.558.560.881</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	35.958.487.188	24.558.560.881
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.662.954.025</b>	<b>544.167.816</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	656.554.731	10.920.215
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	11	4.006.399.294	533.247.601
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>195.759.139.447</b>	<b>66.199.376.939</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>189.525.660.565</b>	<b>61.655.414.672</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	188.961.633.901	61.655.414.672
- Nguyên giá	222		289.423.436.809	161.183.462.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.461.802.908)	(99.528.047.751)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	564.026.664	-
- Nguyên giá	228		775.600.000	124.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.573.336)	(124.800.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>50.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	50.000.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.450.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	2.450.000.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.783.478.882</b>	<b>4.493.962.267</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.783.478.882	4.493.962.267
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>364.636.948.723</b>	<b>261.320.215.190</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>261.294.694.767</b>	<b>154.932.067.620</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>212.616.875.059</b>	<b>154.932.067.620</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	73.155.155.493	59.218.411.253
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		664.954.600	1.472.133.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	289.134.855	1.239.574.745
4. Phải trả người lao động	314		8.907.048.913	12.354.232.286
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	698.867.809	568.592.351
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	407.728.843	401.285.480
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	127.216.381.506	77.870.484.993
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.277.603.040	1.807.353.040
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.677.819.708</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	48.677.819.708	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.342.253.956</b>	<b>106.388.147.570</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>103.342.253.956</b>	<b>106.388.147.570</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.822.153.091	6.822.153.091
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		28.692.249.838	10.692.249.838
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.195.744.641	18.127.242.347
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.678.000.000	1.678.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.954.106.386	9.068.502.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	409.966.657
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.954.106.386	8.658.535.637
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>364.636.948.723</b>	<b>261.320.215.190</b>

Nam Định, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hằng

Kế toán trưởng

Dương Minh Tuấn



Trần Ngọc Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MẪU SỐ B02 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	354.619.616.748	424.410.668.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		354.619.616.748	424.410.668.422
4. Giá vốn hàng bán	11	22	322.975.613.285	383.425.883.991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.644.003.463	40.984.784.431
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.360.171.932	223.931.406
7. Chi phí tài chính	22	24	7.096.360.815	4.251.925.570
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.064.670.985	4.241.959.070
8. Chi phí bán hàng	25	25	8.517.983.145	11.397.040.877
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	14.015.503.762	14.056.315.837
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.374.327.673	11.503.433.553
11. Thu nhập khác	31		1.856.918.812	456.726.556
12. Chi phí khác	32		224.908.502	1.090.614.563
13. Lợi nhuận khác	40	27	1.632.010.310	(633.888.007)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.006.337.983	10.869.545.546
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.052.231.597	2.211.009.909
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.954.106.386	8.658.535.637
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	659	1.438

Nam Định, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hằng

Kế toán trưởng



Dương Minh Tuấn



Trần Ngọc Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MÃ SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2017	2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	330.005.401.171	475.185.294.480
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(304.586.400.865)	(336.166.426.316)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.686.295.454)	(32.580.850.262)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.974.215.750)	(4.213.684.825)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.211.009.909)	(2.907.331.482)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	119.736.234.993	4.290.661.107
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53.744.675.696)	(98.441.521.360)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>51.539.038.490</b>	<b>5.166.141.342</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(144.242.585.916)	(13.993.061.984)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.240.909.091	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.450.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	953.811.932	189.208.604
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(144.497.864.893)</b>	<b>(13.803.853.380)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	21.191.200.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	340.723.399.974	252.562.689.644
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(242.699.683.753)	(261.976.459.533)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.000.000.000)	(5.040.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>92.023.716.221</b>	<b>6.737.430.111</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(935.110.182)</b>	<b>(1.900.281.927)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.003.800.751</b>	<b>6.904.082.678</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.068.690.569</b>	<b>5.003.800.751</b>

Nam Định, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hằng

Kế toán trưởng



Dương Minh Tuấn



Trần Ngọc Hưng



## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/04/2003; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 08 số 6000312071 ngày 03/04/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 VND, tương ứng 6.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BBS.

Trụ sở chính của Công ty tại Km số 2, đường Văn Cao, xã Lộc An, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh bao bì các loại, sản phẩm từ nhựa, giấy;
- Buôn bán vật liệu xây dựng.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

### **4.1. Cơ sở lập báo cáo**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

### **4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **4.4. Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### **4.5. Các khoản phải thu và Dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### **4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN

Km2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

#### 4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

#### 4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.10. Đầu tư vào công ty liên kết:

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### 4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng; giá trị các khoản được coi là lợi thế phát sinh từ việc mua các tài sản trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc) và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm. Giá trị các khoản lợi thế phát sinh từ việc mua các tài sản trên đất được xác định theo Chứng thư thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá độc lập ngày 01/04/2016 và được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

#### **4.12. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### **4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại; cá nhân là cán bộ, công nhân viên của Công ty và Công đoàn Công ty.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### **4.14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.15. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay, trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép,... Trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay.

#### **4.16. Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:* Lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá...

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

#### **4.17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	31.528.114	1.849.914.643
Tiền gửi ngân hàng	1.037.162.455	3.153.886.108
Tiền đang chuyển	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.068.690.569</u></b>	<b><u>5.003.800.751</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	34.638.562.569	9.218.453.481
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	12.568.141.586	4.566.206.432
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	672.078.000	3.216.809.900
Công ty TNHH TM & DV quốc tế Minh Quang	15.824.107.110	16.672.125.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	15.280.627.490	3.623.816.400
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	16.842.946.600	3.025.000.000
Phải thu các khách hàng khác	29.433.184.679	43.814.377.084
<b>Cộng</b>	<b><u>125.259.648.034</u></b>	<b><u>84.136.788.297</u></b>

Trong đó Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp là bên liên quan của Công ty

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	-	-	81.822.722.802	-
Phải thu khác	17.642.160	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.642.160</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>81.822.722.802</u></b>	<b><u>-</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.694.549.773	-	12.353.898.713	-
Công cụ, dụng cụ	69.391.967	-	118.715.504	-
Thành phẩm	18.194.545.448	-	12.085.946.664	-
<b>Cộng</b>	<b><u>35.958.487.188</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>24.558.560.881</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN**

Km2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**9. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Thời gian quá hạn	31/12/2017			01/01/2017			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Ông Trần Văn Khởi	1.151.000.000	-	1.151.000.000	Từ 2-3 năm	1.258.000.000	377.400.000	880.600.000
Công ty CP Xi măng Lai Châu	32.838.200	-	32.838.200	Trên 3 năm	32.838.200	-	32.838.200
Các đối tượng khác	610.500.000	412.930.000	197.570.000	Từ 1-2 năm	248.528.192	124.264.096	124.264.096
<b>Cộng</b>	<b>1.794.338.200</b>	<b>412.930.000</b>	<b>1.381.408.200</b>		<b>1.539.366.392</b>	<b>501.664.096</b>	<b>1.037.702.296</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>656.554.731</b>	<b>10.920.215</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	656.554.731	10.920.215
<b>Dài hạn</b>	<b>3.783.478.882</b>	<b>4.493.962.267</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.033.029.590	56.442.429
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	442.938.982	-
- Giá trị lợi thế từ giao dịch mua bán tài sản trên đất (*)	2.307.510.310	4.437.519.838
<b>Cộng</b>	<b><u>4.440.033.613</u></b>	<b><u>4.504.882.482</u></b>

(\*) Giá trị các khoản lợi thế phát sinh từ việc mua các tài sản trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc) của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định. Lợi thế phát sinh từ giao dịch mua các tài sản trên là 6.390.028.572 đồng được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

**11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

	<u>Giá trị</u>
	VND
<b>Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ tại 01/01/2017</b>	<b>533.247.601</b>
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra phát sinh trong năm	(35.596.257.124)
- Thuế Giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong năm	43.919.107.542
- Thuế Giá trị gia tăng đã nộp trong năm	1.407.796.800
- Thuế Giá trị gia tăng được hoàn trong năm	(6.257.495.525)
<b>Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ tại 31/12/2017</b>	<b><u>4.006.399.294</u></b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u>
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	124.800.000
Mua trong năm	650.800.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>775.600.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	124.800.000
Khấu hao trong năm	86.773.336
Tại ngày 31/12/2017	<u>211.573.336</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2017	-
Tại ngày 31/12/2017	<u>564.026.664</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng	124.800.000

**13. ĐÀU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Bao bì Bút Sơn với tỷ lệ góp vốn là 49% theo Nghị quyết số 15/16/NQ-HĐQT ngày 24/12/2016 của Hội đồng quản trị Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SON**

Km2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	36.983.255.988	118.558.563.101	5.427.289.969	214.353.365	161.183.462.423
Mua trong năm	-	11.510.391.121	5.453.623.219	177.900.000	17.141.914.340
Đầu tư XDCB hoàn thành	17.482.841.758	107.380.810.909	-	-	124.863.652.667
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.597.323.407)	(982.509.534)	-	(13.579.832.941)
Giảm khác	(73.126.200)	-	(112.633.480)	-	(185.759.680)
Tại ngày 31/12/2017	54.392.971.546	224.852.441.724	9.785.770.174	392.253.365	289.423.436.809
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	9.197.624.786	85.697.760.152	4.418.309.448	214.353.365	99.528.047.751
Khấu hao trong năm	2.305.459.435	11.799.770.247	445.583.200	30.985.460	14.581.798.342
Thanh lý, nhượng bán	(66.422.965)	(12.588.096.528)	(880.890.212)	-	(13.468.986.740)
Giảm khác	-	-	(112.633.480)	-	(179.056.445)
Tại ngày 31/12/2017	11.436.661.256	84.909.433.871	3.870.368.956	245.338.825	100.461.802.908
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	27.785.631.202	32.860.802.949	1.008.980.521	-	61.655.414.672
Tại ngày 31/12/2017	42.956.310.290	139.943.007.853	5.915.401.218	146.914.540	188.961.633.901
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	1.440.471.351	46.868.410.458	2.718.614.082	214.353.365	51.241.849.256

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng, chi tiết theo Thuyết minh số 15.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN**

Km2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09 - DN****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Nhựa Đà Nẵng	27.969.243.800	27.969.243.800	9.882.900.000	9.882.900.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Ngân Hạnh	10.356.158.600	10.356.158.600	9.386.364.759	9.386.364.759
Công ty Cổ phần Xây dựng 289	3.428.387.000	3.428.387.000	10.479.654.700	10.479.654.700
Công ty TNHH SX và TM Ngọc Minh Giang	10.622.106.000	10.622.106.000	5.157.242.640	5.157.242.640
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	150.344.372	150.344.372	356.165.072	356.165.072
Phải trả các nhà cung cấp khác	20.628.915.721	20.628.915.721	23.956.084.082	23.956.084.082
<b>Cộng</b>	<b>73.155.155.493</b>	<b>73.155.155.493</b>	<b>59.218.411.253</b>	<b>59.218.411.253</b>

Trong đó Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là bên liên quan của Công ty.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	10.452.656.461	10.452.656.461	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.211.009.909	1.052.231.597	2.211.009.909	2.211.009.909	52.231.597	52.231.597	52.231.597	52.231.597
Thuế thu nhập cá nhân	28.564.836	388.127.530	179.789.108	179.789.108	236.903.258	236.903.258	236.903.258	236.903.258
Thuế đất, tiền thuê đất	-	251.222.000	251.222.000	251.222.000	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	1.215.224.129	1.215.224.129	1,215.224,129	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.239.574.745</b>	<b>13.359.461.717</b>	<b>14.309.901.607</b>	<b>14.309.901.607</b>	<b>289.134.855</b>	<b>289.134.855</b>	<b>289.134.855</b>	<b>289.134.855</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN**

Kim 2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN****17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay trong năm	Trả trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>77.870.484.993</b>	<b>77.870.484.993</b>	<b>278.236.484.666</b>	<b>240.039.964.633</b>	<b>116.067.005.026</b>	<b>116.067.005.026</b>
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (1)	15.185.477.721	15.185.477.721	68.313.110.437	65.982.272.880	17.516.315.278	17.516.315.278
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Nam Định (2)	24.126.349.909	24.126.349.909	73.962.914.253	68.945.334.740	29.143.929.422	29.143.929.422
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Nam Định (3)	30.243.657.363	30.243.657.363	116.516.453.721	91.797.357.013	54.962.754.071	54.962.754.071
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam Chi nhánh Sở giao dịch (4)	-	-	14.444.006.255	-	14.444.006.255	14.444.006.255
- Vay Cán bộ công nhân viên	3.315.000.000	3.315.000.000	5.000.000.000	8.315.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.809.095.600</b>	<b>2.659.719.120</b>	<b>11.149.376.480</b>	<b>11.149.376.480</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Nam Định (5)	-	-	6.390.500.000	1.500.000.000	4.890.500.000	4.890.500.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	7.418.595.600	1.159.719.120	6.258.876.480	6.258.876.480
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.486.915.308</b>	<b>13.809.095.600</b>	<b>48.677.819.708</b>	<b>48.677.819.708</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Nam Định (5)	-	-	31.192.532.908	6.390.500.000	24.802.032.908	24.802.032.908
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	31.294.382.400	7.418.595.600	23.875.786.800	23.875.786.800
<b>Cộng</b>	<b>77.870.484.993</b>	<b>77.870.484.993</b>	<b>354.532.495.574</b>	<b>256.508.779.353</b>	<b>175.894.201.214</b>	<b>175.894.201.214</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN

Km2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/232490/HĐTD ngày 06/09/2016, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp tín dụng là đến ngày 06/09/2017, tài sản đảm bảo là các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty với các khách hàng, lãi suất được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng kỳ và các hợp đồng tín dụng từng lần cho từng khoản vay phát sinh sau ngày hết hạn của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/232490/HĐTD ngày 06/09/2016.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2017/HĐCTD/7189524 ngày 15/09/2017, hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn là 50 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay được đảm bảo theo các tài sản sau:
  - Quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng ký kết với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
  - 08 máy dệt tròn RX 6.0 hiệu Starlinger.
  - 01 máy tráng màng PP hiệu Starlinger xuất xứ châu Âu được nhập khẩu theo hợp đồng kinh tế số BUTSON-STAR/0516 ngày 12/05/2016.
  - Dây chuyền thiết bị sản xuất bao dán đáy thương hiệu Starlinger xuất xứ châu Âu được nhập khẩu theo hợp đồng kinh tế số BUTSON-STAR/1213 ngày 22/01/2014.
  - Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 224864 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 18/05/2016 đứng tên Công ty Cổ phần Vicem bao bì Bút Sơn.
  - Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có thuộc dự án Đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất bao Jumbo - Túi siêu thị, bao bì nông sản và thức ăn gia súc... của Công ty Cổ phần Vicem bao bì Bút Sơn.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1761003/2017-HĐTDHM/NHCT380-VICEM BAO BÌ BÚT SƠN ngày 03/05/2017 nhằm bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 03/05/2017 đến ngày 30/04/2018. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số TC 460062 ngày 18/07/2014 và HĐTC số TC167012/2016 ngày 29/04/2016 là hàng tồn kho luân chuyển trị giá 10 tỷ đồng.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 89/2017/HĐTD ngày 26/07/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay ngắn hạn là 30 tỷ đồng thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 26/07/2017. Lãi suất cho vay được ghi theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo các hợp đồng:
  - Hợp đồng tín dụng số 01/16/DADT/7189524 ngày 03/06/2016. Mục đích vay nhằm thanh toán đầu tư dây chuyền máy tráng màng PP hiệu Starlinger. Số tiền cho vay là 10 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng. Lãi suất năm đầu tiên là 7,4%. Các năm tiếp theo lãi suất điều chỉnh 3 tháng/ lần + biên độ 3%/năm. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay bao gồm: Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng được ký kết giữa Bút Sơn và Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai; 08 máy dệt tròn RX 6.0; máy tráng màng hiệu Starlinger; dây chuyền thiết bị bao dán đáy Starlinger.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTCVDA/7189524 ngày 15/09/2017. Mục đích vay nhằm thực hiện dự án Đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất bao Jumbo - Túi siêu thị, bao bì nông sản và thức ăn gia súc... Số tiền cho vay tối đa 35 tỷ đồng. Thời gian cho vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định 9,3%. Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu trừ trường hợp Ngân hàng quyết định không áp dụng thời gian ân hạn.

- Lịch trả nợ vay dài hạn chi tiết như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Năm 2018	4.890.500.000	-
Năm 2019	5.854.000.000	-
Năm 2020	5.854.000.000	-
Năm 2021	5.854.000.000	-
Năm 2022	4.353.977.258	-
Năm 2023	2.826.055.650	-
<b>Cộng</b>	<b><u>29.632.532.908</u></b>	<b><u>-</u></b>
- Dưới 1 năm	4.890.500.000	-
- Từ 1 năm đến 5 năm	21.915.977.258	-
- Trên 5 năm	2.826.055.650	-

- (6) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 10.11.16.097/HĐTD/2017 ngày 24/01/2017 để bổ sung vốn nhập khẩu các máy móc thiết bị phục vụ cho dự án nâng công suất bao dán đáy từ 25 triệu lên 50 triệu bao/năm. Tổng hạn mức rủi ro của khoản cấp tín dụng (Vay vốn, L/C) là 51 tỷ, trong đó hạn mức cho vay là 35 tỷ. Thời hạn khoản cấp tín dụng sẽ bắt đầu từ ngày ký hợp đồng và chấm dứt sau 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất theo lãi suất thả nổi thị trường được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ. Tài sản bảo đảm đối với hạn mức mở L/C là máy móc thiết bị hình thành trong tương lai, đối với hạn mức vay vốn trung hạn là toàn bộ dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị mới 100% hình thành từ vốn vay.

- Lịch trả nợ vay dài hạn chi tiết như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Năm 2018	6.258.876.480	-
Năm 2019	6.258.876.480	-
Năm 2020	6.258.876.480	-
Năm 2021	6.258.876.480	-
Năm 2022	5.099.157.360	-
<b>Cộng</b>	<b><u>30.134.663.280</u></b>	<b><u>-</u></b>
- Dưới 1 năm	6.258.876.480	-
- Từ 1 năm đến 5 năm	23.875.786.800	-

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	213.140.196	149.048.514
Các khoản trích trước khác	485.727.613	419.543.837
<b>Cộng</b>	<b><u>698.867.809</u></b>	<b><u>568.592.351</u></b>

## 19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	313.593.483	251.772.537
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.135.360	149.512.943
<b>Cộng</b>	<b><u>407.728.843</u></b>	<b><u>401.285.480</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN**

Km2 đường Văn Cao - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN****20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>3.849.809.091</b>	<b>10.692.249.838</b>	<b>16.027.242.347</b>	<b>1.678.000.000</b>	<b>8.677.966.657</b>	<b>82.925.267.933</b>
Tăng vốn trong năm	18.000.000.000	2.972.344.000	-	-	-	-	20.972.344.000
Lãi trong năm	-	-	-	2.100.000.000	-	8.658.535.637	8.658.535.637
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(3.228.000.000)	(1.128.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.040.000.000)	(5.040.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>6.822.153.091</b>	<b>10.692.249.838</b>	<b>18.127.242.347</b>	<b>1.678.000.000</b>	<b>9.068.502.294</b>	<b>106.388.147.570</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	3.954.106.386	3.954.106.386
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.068.502.294	-	(3.068.502.294)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tăng/Giảm khác	-	-	18.000.000.000	(18.000.000.000)	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>6.822.153.091</b>	<b>28.692.249.838</b>	<b>2.195.744.641</b>	<b>1.678.000.000</b>	<b>3.954.106.386</b>	<b>103.342.253.956</b>

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/17/NQ-ĐHCD ngày 28/04/2017 đã thông qua phương án chi trả cổ tức với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền là 6.000.000.000 đồng, đồng thời trích lập các quỹ như sau: Quỹ đầu tư phát triển 2.068.502.294 đồng; Quỹ khen thưởng phúc lợi 1.000.000.000 đồng.



**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	20.576.660.000	20.576.660.000
Các cổ đông khác	39.423.340.000	39.423.340.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	60.000.000.000	42.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	18.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.000.000.000	5.040.000.000

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	340.829.696.481	374.798.179.598
Doanh thu bán hàng hoá	13.789.920.267	49.612.488.824
<b>Cộng</b>	<b><u>354.619.616.748</u></b>	<b><u>424.410.668.422</u></b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	14.288.975.000	33.832.005.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bao bì Bút Sơn	13.917.192.994	2.750.000.000

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	309.058.420.291	333.772.119.483
Giá vốn hàng hoá đã bán	13.917.192.994	49.653.764.508
<b>Cộng</b>	<b>322.975.613.285</b>	<b>383.425.883.991</b>

**23. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.360.171.932	223.931.406
<b>Cộng</b>	<b>1.360.171.932</b>	<b>223.931.406</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.064.670.985	4.241.959.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.689.830	9.966.500
<b>Cộng</b>	<b>7.096.360.815</b>	<b>4.251.925.570</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>8.517.983.145</b>	<b>11.397.040.877</b>
Chi phí nhân viên	862.355.716	919.516.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.235.416	-
Chi phí vận chuyển, bốc xếp vỏ bao	5.637.588.662	6.068.361.841
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	401.506.410	124.432.229
Chi phí khác	1.597.296.941	4.284.730.651
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>14.015.503.762</b>	<b>14.056.315.837</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.922.038.483	6.248.591.071
Chi phí nguyên vật liệu	1.265.464.183	381.599.913
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.688.674.597	2.187.634.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	711.339.559	791.399.892
Thuế, phí, lệ phí	974.442.595	925.845.879
Dự phòng phải thu khó đòi	343.705.904	(1.522.524.475)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.060.048	231.773.863
Chi phí khác	3.867.778.393	4.811.994.918
<b>Cộng</b>	<b>22.533.486.907</b>	<b>25.453.356.714</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	255.441.955.136	275.509.604.229
Chi phí nhân công	34.414.942.657	39.667.318.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.668.571.678	11.062.638.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.073.206.677	14.269.579.839
Chi phí khác	7.308.547.254	23.719.445.537
<b>Cộng</b>	<b>331.907.223.402</b>	<b>364.228.586.905</b>

**27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.856.918.812</b>	<b>456.726.556</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.240.909.091	-
Tiền thu bồi thường, thưởng	82.241.932	30.070.147
Các khoản khác	533.767.789	426.656.409
<b>Chi phí khác</b>	<b>224.908.502</b>	<b>1.090.614.563</b>
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	852.814.869
Chi phí bồi thường vô bao rách, vỡ	223.788.500	159.582.894
Các khoản khác	1.120.002	78.216.800
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.632.010.310</b>	<b>(633.888.007)</b>

**Thu nhập khác với bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	263.265.853	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bao bì Bút Sơn	151.818.182	-

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.006.337.983	10.869.545.546
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng: chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	254.820.000	185.504.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>5.261.157.983</b>	<b>11.055.049.546</b>
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.052.231.597</b>	<b>2.211.009.909</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>3.954.106.386</b>	<b>8.658.535.637</b>
Lợi nhuận dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.000.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.954.106.386	7.658.535.637
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	4.629.041
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>659</b>	<b>1.438</b>

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2017, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 04/17/NQ-ĐHCĐ ngày 28/4/2017.

**30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Cổ đông chiếm 34,29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Tổng Giám đốc của Vicem Tam Điệp

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	6.915.031.177	11.432.111.731
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	411.756.018	600.269.131
<b>Cổ tức đã trả</b>		
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	2.057.666.000	1.728.439.440
<b>Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc</b>	<b>1.210.693.421</b>	<b>1.462.800.000</b>

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2017</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.068.690.569	5.003.800.751
Phải thu của khách hàng	123.878.239.834	83.099.086.001
Phải thu khác	17.642.160	81.822.722.802
<b>Cộng</b>	<b>127.964.572.563</b>	<b>169.925.609.554</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	73.155.155.493	59.218.411.253
Chi phí phải trả	698.867.809	568.592.351
Phải trả khác	94.135.360	149.512.943
Vay và nợ thuê tài chính	175.894.201.214	77.870.484.993
<b>Cộng</b>	<b>249.842.359.876</b>	<b>137.807.001.540</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

#### **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	610.500.000	248.528.192
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	1.258.000.000
Quá hạn từ 3 năm trở lên	1.183.838.200	32.838.200

Phải thu của khách hàng quá hạn nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
	VND	VND	VND
<b>Số tại ngày 31/12/2017</b>			
Phải trả người bán	73.155.155.493	-	-
Chi phí phải trả	698.867.809	-	-
Phải trả khác	94.135.360	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	127.276.381.506	45.791.764.058	2.826.055.650
<b>Cộng</b>	<b><u>201.224.540.168</u></b>	<b><u>45.791.764.058</u></b>	<b><u>2.826.055.650</u></b>
<b>Số tại ngày 01/01/2017</b>			
Phải trả người bán	59.218.411.253	-	-
Chi phí phải trả	568.592.351	-	-
Phải trả khác	149.512.943	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	77.870.484.993	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>137.807.001.540</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**32. NỢ TIỀM TÀNG**

Căn cứ Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết quy định cách xác định chi phí để tính thuế trong một số trường hợp cụ thể đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đặc thù, theo đó "*Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế*". Nếu áp dụng theo quy định này thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty sẽ tăng thêm là 412 triệu đồng. Đến thời điểm hiện tại, do chưa có các hướng dẫn cụ thể liên quan tới các quy định của Nghị định 20 nêu trên nên Công ty không chắc chắn liệu có phải nộp khoản thuế phát sinh từ quy định nêu trên hay không. Ban Giám đốc Công ty sẽ tiếp tục theo dõi các hướng dẫn mới để xác định nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách (nếu có) trong năm 2018.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

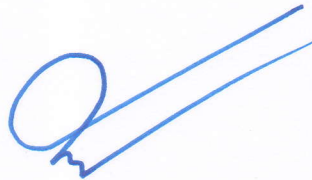
Nam Định, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập



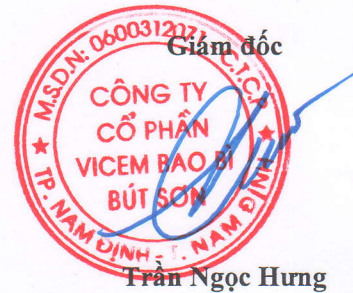
**Nguyễn Thị Thanh Hằng**

Kế toán trưởng



**Dương Minh Tuấn**

Giám đốc



**Trần Ngọc Hưng**

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VN  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127 /BBS-PKT.18

(V/v: Giải trình chênh lệch LNST năm 2017 đã  
kiểm toán so với cùng kỳ năm 2016)


Nam Định, ngày 15 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Năm 2017 Công ty cổ phần Vicem bao bì Bút Sơn tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế đã soát xét năm 2017 đạt 3,954 tỷ đồng, bằng 45,67% so với cùng kỳ năm 2016, tương ứng giảm 54,33%. Nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế năm 2017 đã soát xét giảm so với cùng kỳ năm 2016 là:

- Chi phí nguyên vật liệu chính tăng (nhựa tạo sợi tăng 8%, nhựa tráng tăng 2,3%, giấy kraft tăng 9,4%) so với cùng kỳ năm 2016.

**Công ty cổ phần Vicem bao bì Bút Sơn Trân trọng báo cáo !**

Nơi gửi: 

- Như trên;
- B/c ban giám đốc;
- Lưu PKT, VT.



**Trần Ngọc Hưng**